

PHẦN PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1

1. Am Chúa

Am thờ nữ thần Thiên Y A Na Thánh Mẫu tại sườn phía đông núi Đại Nam (còn gọi là Qua Sơn, núi Dưa hay núi Chúa), cao 284 mét, thuộc xã Diên Điền, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hoà. Am Chúa nằm ở độ cao khoảng 80 mét. Am xây dựng từ lúc nào không rõ, năm 1958 được trùng tu lần thứ ba. Năm 1988, huyện cho trùng tu lại khang trang hơn. Con đường dẫn lên sườn núi, nơi có Am Chúa, hai bên đường có những luống trồng dưa, gợi nhớ đến truyền thuyết xuất hiện của Bà Thiên Y A Na. Đường lên am có độ dốc, đi lên 144 bậc tam cấp lát đá hoa cương. Đầu bậc tam cấp có một tấm bia ghi tóm tắt sự tích Bà. Hết tam cấp, đi vào cổng tam quan, chính giữa có đắp nổi hai dòng chữ, chữ Hán và chữ Quốc ngữ: *Đại An Tam quan môn*, mặt trong cũng có hai dòng chữ Hán và chữ Quốc ngữ: Thiên Y Chúa giáng thế. Cổng vào có hai câu đối: *Qua lãnh giáng trần Bắc Hải*

thần thông kỳ phiết độ/Cù sơn hiển hách Nam thiên linh ứng thạch cù vân. Trước điện thờ là bức trần phong, phía bên trái trần phong là miếu thờ Ngũ hành, bên phải là miếu thờ Sơn lâm chúa tướng (thờ hổ). Nằm giữa Trần phong và miếu Ngũ hành có cây mã tiền gần bốn trăm tuổi, toả bóng mát cả tam quan. Nối liền Trần phong với chính điện là võ ca. Bên trái võ ca là chiếc đại hồng chung có đường kính 50cm treo trên giá đỡ. Bên phải võ ca là chiếc trống đại, mặt trống có đường kính 60cm. Am là một ngôi nhà ngang được chia làm ba gian. Gian chính là điện thờ Bà Thiên Y Thánh Mẫu. Bên trái thờ Cậu (con trai Bà Thiên Y), gian phải thờ Cô (con gái Bà Thiên Y). Tượng Bà tạc bằng gỗ mít, cao khoảng một mét, thếp vàng rực rỡ với thế ngồi tựa bệ rồng. Ông Nguyễn Văn Mại, Án sát rồi lên Bộ chánh tỉnh Khánh Hoà từ năm 1905 đến năm 1911, trong tác phẩm *Lô Giang tiểu sử* của ông, đã cho ta biết tượng Bà Thiên Y là do ông cúng. "Năm ấy ngày tháng Giêng, ta đến am hành lễ, thần liên phụ đồng lên đàn nói với ta: nhà ngươi ở đây hơn năm năm, không hề xin gì ở bốn tự, nhưng bốn tự luôn luôn bảo hộ nhà ngươi. Năm nay nhà ngươi có tin mừng thặng

đôi (...) nay xin nhà người khắc cho ta một ngôi tượng gỗ cao lớn như thế như thế,...thết vàng để lưu lại cho bốn tự. Ta đáp: khắc tượng phải có gỗ ba la, thật khô, cao lớn như thế như thế,...tìm cho ra được cũng khó. Phụ đồng nói: gỗ đã có sẵn. Sáng mai sai người đến làng Phú Cốc (nay thuộc xã Diên Lâm, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hoà) tìm sẽ có. Hôm sau, sai người đến làng đó, quả nhiên có cây đó, cao lớn đúng như thế, chở về, uỷ người đến am xin ngày giờ sai người ra Bình Định thuê thợ chạm vào khi (khởi) công, Phụ đồng lên đàn: không cần phải đi. Mới đây có thợ chạm Bình Định vào đây ngụ tại làng tại phủ Ninh Hoà. Ta sức trác đi tìm, quả nhiên có hai thợ chạm mới đến. Bèn khởi công hơn hai tháng trường mới làm xong. Ta giao người rước về am, lại sai người về phố Quảng Nam mua vàng thếp cùng thuê thợ sơn. Phụ đồng lên đàn cũng có sẵn, lúc đó ta nhơn đi công cán đến công quán Nha Trang liền có hai người thợ sơn đến hầu. Hỏi thăm thì chúng nói năm trước cha con y đem nghề nghiệp vào Gia Định làm ăn. Bất ngờ đến đó mắc bệnh nặng, bốn năm tháng, nay trở về xứ. Hiện còn sơn sớ vàng thếp các hạng. Ta liền thuê chúng đến chùa Ứng Công, trên một

tháng làm xong. Ngày rằm tháng ba khánh thành pho tượng. Cúng chay ba ngày, kể đến hát xướng,...

BIA PHAN THANH GIẢN

Bản dịch 1:

Ngày 28 tháng 5, Tự Đức thứ 9 (1856), cụ Phan Thanh Giản đi việc quan, có qua Tháp Bà tại Nha Trang. Cảm kích trước quan cảnh, ông có làm một bài văn khắc trên bia nhắc lại sự tích Bà Thiên Y. Sau đây là bản dịch:

Truyện Bà Tiên nữ Thiên Y

Phàm trong thiên hạ, đời càng xưa càng lắm chuyện kỳ, đất càng rộng càng nhiều tích lạ. Nhứt là các bậc cứu nhân độ thế thì sử sách không thể ghi lại được. Nay Quan Thế Âm ở núi Lạc Già, nọ Lâm Thiên Hậu ở đất Việt Dương, chuyện không phải không kỳ, tích chẳng phải chẳng lạ, khác gì những chuyện xa xưa như Bà Liễu Hạnh giáng trần ở tỉnh Nam Định cũng là chuyện thần kỳ mà người đời còn kể lại được rõ ràng. Miền Nam phong khí tốt tươi, người lại vốn thật thà, cùng nước Mân Việt ở Bắc Dương

mỗi nơi trị riêng một cõi. Lúc vua Nghiêu chưa ra lệnh cho Hy Thúc đóng ở Nam Giao và khi Chu Công chưa cấp xe chỉ nam cho sứ giả Việt Thường thì nước này đã có rồi, và tuy nước nhỏ dân ít nhưng đức lành đồn xa, đời thịnh trị nên thần linh giáng hạ. Xem như vậy cảnh phương trượng bồng lai tới trần gian cũng không xa vậy. Sự tích Bà Thiên Y rất tiếc không ai ghi lại, người sau không rõ. Nhân việc quan đi qua tỉnh Khánh Hoà hỏi các bậc già nua thời có người kể lại được. Tìm thần tích thấy có mối manh. Thiên Tiên nữ giáng sanh ở núi Đại An, nay ở xã Đại An tỉnh Khánh Hoà, gần cù lao Huân, một nơi có biển cả bao quanh, có núi non vây kín. Cái cảnh bề biếc, trời cao thật đáng là di tích của các vị tiên thánh linh thiêng vậy. Có hai vợ chồng ông lão không con ở trong một căn nhà bên núi. Khi dưa chín có người bẻ trộm. Ông để ý xem thì thấy có một thiếu nữ, cầm trái dưa chơi ở dưới trăng, ông bà mới đến tận nơi hỏi hết ngọn nguồn. Vì thương nàng ít tuổi, mà sớm mất người thân, nên mang về nuôi nấng, yêu quý như con đẻ vậy. Một hôm mưa rừng ngập lụt, nàng nhớ cảnh bồng, lại lấy hoa lụa đá đắp hình mây ngọn gia sơn chơi. Ông già trông thấy giận lắm,

mảnh nàng trong lúc nàng còn bụi ngủi tất dạ thì thấy một mảnh gỗ kỳ nam ở đâu trôi lại, nàng liền ấn thân vào đó và mặc cho sóng bẻ đưa đi. Mảnh gỗ trôi đến Bắc Hải, người ở đó thấy lạ, định vớt lên nhưng nặng quá, không thể khiêng đi được. Hoàng Thái tử nước ấy, tuổi mới đôi mươi, đang kén chọn vợ hiền, nhưng người trong nước không ai lọt mắt xanh, nên có ý không vui lòng, hy vọng tìm ra người đẹp. Nghe tin trên, chàng mừng rỡ, truyền xa giá ra bờ biển, tự mình xuống vớt thì thấy mảnh gỗ theo tay lên ngay. Chàng liền mang về để bày trong điện và thường vỗ về mảnh gỗ. Thế rồi dưới ánh trăng và trong làn hương thơm ngào ngạt thường có một người hiện ra. Hoàng tử rình bắt gặp nhiều lần nhưng hễ đến gần lại biến mất. Một đêm, chàng thỉnh linh gặp mặt thì thấy một người đẹp. Nàng hoảng hốt chực chạy. Chàng liền hỏi nguyên do và giữ lại không cho đi nữa. Chàng vừa sợ, vừa mừng, đem chuyện ấy tâu với vua cha. Vua cho đó là ma quỷ hiện hình, nên truyền cho bói một quẻ thì gặp quẻ tốt, nên cho lấy nhau. Ít lâu sau, hai người sinh được một con trai đặt tên là Truy và một con gái đặt tên là Quý. Tình vợ chồng đang đầm thắm thì một ngày kia nàng nhớ đến quê

hương, liền cùng hai con nhập vào thân kỳ nam, theo đường biển về Nam. Đến chỗ cù lao Huân, tìm thấy núi xưa cảnh cũ, thì ông bà già đã qua đời. Nàng liền khai khẩn ruộng vườn, xây đền thờ cha mẹ nuôi và thấy dân ở miền đó ngu si, không biết lo sinh kế, tránh hoạn nạn, liền dạy mọi người phép tắt, nghề nghiệp để nuôi nhau. Bà lại tạc một pho tượng ở trên núi, rồi giữa ban ngày Bà theo chim loan bay lên cõi tiên. Thái tử nơi Biển Bắc thấy bà đi, liền cho thuyền đi tìm. Vì kẻ thủy thủ không biết oai bà, không tôn kính thần tượng, nên bỗng gió to bão lớn nổi lên lật đắm thuyền. Sau đó nơi cửa biển có nổi lên một phiến đá có khắc chữ theo lối cổ không thể hiểu được. Từ đó Bà hiển linh, thường qua lại nơi non Yên, đỉnh Cù cứu nhân độ thế. Ai cầu gì ứng nấy, dân chúng gần xa nhút nhút tôn thờ. Trên ngọn cù lao xây một ngọn tháp cao sáu trượng thờ Tiên Chúa. Lại xây một tháp nhỏ thờ Thái tử. Sau tháp lập một ngôi miếu thờ hai người con Bà. Tháp tả thờ hai ông bà già. Trước tháp cũng có một bia khắc chữ giống như chữ ở hòn đá ngoài cửa biển. đến nay vườn xưa hoa quả tốt tươi, ai đến vẫn cảnh hái ăn cũng được nhưng không thể đem về. Mỗi khi thuận tiết thì từ loài

thú rừng đến loài hải tộc đều châu trước đèn. Cô nhân gọi Bà Thiên Y A Na Diễn Phi, Chúa Ngọc Thánh Phi, bản triều ban tặng là Hồng Nhân Phổ Tế Linh ứng Thượng đẳng thần và bắt dân ở đó coi giữ tháp. Ôi lạ thay! Thiên nữ ở đâu mà đến? Ban đầu ở nơi sườn núi nhờ ơn dưỡng dục, tưởng đã trọn đời ở đó. Thế mà tự nhiên già từ vườn hạc, cười sòng từ nam lên bắc. Vội vàng đi đâu vậy? Thế lại khi duyên đằm thắm thì dứt tình bỏ bạn trăm năm, trở về nơi cũ, cũng thật lạ thay! Đến lúc cửa hang đã mở, cảnh đó người đâu, cười gió ra đi, hiên lộng oai thần. Việc đi hay ở của các vị thần thì quỷ thần cũng không rõ được. Như thế cũng kỳ lắm thay.

Ngày 12 tháng 5 Tự Đức thứ 9 (1856).

- Hữu hiệp Biện Đại học sỹ, Lĩnh lễ Bộ Thượng thư Phan Thanh Giản thuận soạn.

- Thông Chính phó sứ, Bộ chánh Khánh Hoà Nguyễn Quỳnh, phụng lập bia. [1]

¹ Bản dịch của Bửu Cầm, *Việt Nam khảo cổ tập san*, số 3, tr. 233), Sài Gòn, 1952.

Bản dịch 2

Tháp cỏ Thiên Y

Ở xã Cù Lao thuộc huyện Vĩnh Xương, trên đỉnh núi có hai cây tháp, tháp phía tả cao 6 trượng, thờ tượng đá Thiên Y A Na Diễn Phi; tháp bên hữu cao 2 trượng thờ Bắc Hải Thái Tử. Tương truyền Thiên Y Tiên nữ, trước giáng sinh ở núi Đại Điền; bây giờ có hai vợ chồng già mà không có con, nhà ở cạnh núi, trồng dưa để sinh sống. Khi dưa chín, thường có người hái trộm, lấy làm lạ, một đêm rình xem, thì thấy một người con gái, tuổi chừng 13, 14, từ dưới bóng cây thông thả đi đến vườn dưa, cầm dưa đùa bỡn, ông già đến gần hỏi, thì chính là người thường hái dưa. Vì thương cô gái nhỏ tuổi, nên dẫn về nhà nuôi làm con. Cô gái phong tư thái độ dịu dàng, thật là người trời, vợ chồng ông già rất yêu quý. Một hôm mưa lũ đến, cô gái lấy đá làm núi non bộ chơi, ông già giận mắng, trong lúc đương buồn thì thấy một cây già nam trôi đến, bèn thác mình vào cây ấy. Cây gỗ theo nước lũ trôi đến Bắc Hải, người phương Bắc thấy gỗ thơm rất lạ, rủ nhau lấy về, nhưng gỗ nặng không sao nhấc

được. Bấy giờ Thái tử trẻ tuổi kén vợ, nhưng trong nước không có ai vừa ý. Nghe tin về cây gỗ già nam, liền đến bãi biển, thân xuống nước kéo gổ, vừa mó tay đến là nhắc được ngay, đem về để ở điện các, Thái tử thường đến sờ mó mân mê. Chợt thấy dưới bóng trăng thoang thoảng mùi thơm, trông lơ mờ như có người đi đến; nhiều lần như thế, lấy làm lạ. Một hôm đêm khuya, Thái tử đi một mình rình xem, một hồi lâu lại thấy như lần trước, liền đi sát đến tận nơi, thì là một cô gái đẹp, vội vàng toan trốn, nhưng bị Thái tử giữ lại để hỏi, nên không trốn được, bèn bày tỏ duyên do, Thái tử vừa sợ, vừa mừng đem việc tâu lên vua. Vua lấy làm lạ, sai người bói thì thấy được quẻ tốt, bèn cho hai người thành hôn. Ở với nhau ít lâu, sinh một con trai đặt tên là Tri và một con gái đặt tên là Quý. Một hôm nhớ chỗ núi cũ, bèn đem hai con thả vào cây gổ thơm, vượt biển sang phương Nam, đến thẳng bờ biển Cù Huân, tìm đến chỗ cũ thì ông bà đều mất đã lâu. Bèn khai khẩn thêm vườn tược và lập đền thờ; lại thấy dân miền núi còn chất phác không biết kể sinh nhai và phòng hoạn nạn, bèn đặt phương pháp, dựng phép tắc dạy cho nghề nghiệp. Lại lên núi Cù Lao tạc đá làm

tượng rồi giữa ban ngày bay lên đi mất. Thái tử ở Bắc Hải thấy vợ đi mất, cỡi thuyền đi tìm hỏi. Người trong thuyền đã tẩu ngược với dân sở tại lại không tôn kính thần tượng, chợt sóng gió nổi lên thuyền bị đắm hoá thành một đồng đá. Từ đó tỏ dấu anh linh, dân địa phương thờ làm thần, bên dựng hai tháp ở trên núi Cù Lao, tháp bên tả thờ Tiên chúa, tháp bên hữu thờ Thái tử; phía sau tháp dựng ngôi đền nhỏ thờ con trai và con gái của Tiên chúa, lại dựng một ngôi đền nhỏ thờ hai ông bà già, phía trước tháp lại dựng một bia đá nét chữ ngoằn ngoèo không hiểu. Đến nay hoa quả trong vườn người ta chỉ có thể hái ăn mà không thể hái đem đi được. Gặp tuần tiết thì các loại thú rừng cá biển đều đến châu. Người Chăm gọi là Thiên Y A Na Diễn Bà Chúa Ngọc Thánh Bà. Đầu bản triều tặng là *Hồng Nhân Phổ Tế Linh Ứng Thượng đẳng Thần*, lấy ba người dân Cù Lao làm phu thờ.[²]

² Bản dịch của Phạm Trọng Điềm, *Đại Nam Nhất Thống Chí - tỉnh Khánh Hoà*, tập III, NXB. Thuận Hoá, Huế, 1992, tr. 106.

Tấm văn bia năm 1871

Dưới bầu trời, những danh sơn ở các đại châu khí tốt hợp lại, tách ra, ngưng tụ một cách kỳ diệu thì đó là cái Thần. Khí âm rộng khắp làm nên vật thể âm; khí dương rộng khắp làm nên vật thể dương. Âm dương bàng bạc, thăng khí mới khiến ra như vậy. Khánh Hòa Nha Trang là trấn Bình Khương [³] xưa, đất nặng, núi gom về, hình thái buộc phải mở ra. Dương ít mà âm lại nhiều. Giữa có con sông lớn Phú Lộc [⁴], bắt nguồn từ sông Châu, sông Dương mạn bắc, thuộc dãy núi Thông Long; và sông Cầu, sông Hà Cừ mạn nam; cùng hợp chảy về bờ đông biển Cù Huân

³ Vào năm 1653, chúa Nguyễn Phúc Tần (1648-1687), lập ra dinh Thái Khương/Khang gồm hai phủ. Đến đời chúa Nguyễn Phúc Khoát (1738-1765), đổi dinh Thái Khương thành dinh Bình Khương. Đời Gia Long (1802-1820), năm 1803, đổi dinh Bình Hòa thành trấn Bình Hòa. Đời Minh Mạng (1820-1841), năm 1832, đổi dinh Bình Hòa thành tỉnh Khánh Hòa. Cũng từ năm này, lịch sử Chămpa chấm dứt.

⁴ Sông Phú Lộc, tức sông Cái Nha Trang. Trong Đại Nam nhất thống chí – tỉnh Khánh Hòa ghi là sông Phú Lộc. Sông dài 75 km, chảy qua các huyện Khánh Vĩnh, Diên Khánh và thành phố Nha Trang. Vì sông chảy qua thôn Phú Lộc (nay thuộc thị trấn Diên Khánh), huyện Diên Khánh nên gọi sông Phú Lộc. Sông chảy qua khu vực thành phố Nha Trang, chảy ra cửa Cù Huân, tức cửa lớn Nha Trang.

[⁵]. Núi Cù [⁶], một mình đứng riêng ở phía bắc. Tháp cổ thờ bà Thánh phi Thiên Y A Na sừng sững trên chót núi nhìn ra ngoài biển. Gần thì có dãy trụ công hình lan can và những khối đá hiên ngang; xa xa là quần đảo từ biển nhô lên trùng điệp,...như chuông reo, như gác lầu, như đài gương,...ấn hiện cùng bức rèm mây, khéo phô muôn dáng vẻ đẹp không tả xiết. Phàm núi thì thuộc âm mà nước thì thuộc dương. Mạch núi Cù xuất phát từ núi Đại An [⁷] đến đây, tuy thế rơi vào vùng sông nước, nhưng vẻ đẹp của nó nổi bật giữa đám núi non quây quần, nhờ có được cái khí của núi mà riêng mình nó khác lạ. Hình thể bên ngoài thì có các núi che chở bái chào; tầng chứa bên trong thì sâu xa kín đáo vô cùng. Lại thêm, vào lúc có khói hương nghi ngút

⁵ Cửa Cù Huân, theo cụ Quách Tấn trong *Xứ trầm hương*, tên Cù Huân cổ nhân để gọi Khánh Hòa là đợc trại tiếng Chàm Kauthara, là vùng đất Chiêm Thành, nay là vùng đất Nha Trang, Khánh Hòa.

⁶ Núi Cù hay núi Cù Lao. Sách Đại Nam nhất thống chí chép, ở cách huyện Vĩnh Xương (nay là TP. Nha Trang) 28 dặm về phía đông, núi có 5 ngọn lớn nhỏ tiếp nhau, ở phía tả cửa biển Cù Huân, phía đông sát bãi biển, trên núi có tháp cổ (tức tháp Thiên Y A Na).

⁷ Núi Đại An, tên chữ là Qua Sơn (núi Dừa), tục gọi là núi Chúa. Núi ở xã Diên Điền, huyện Diên Khánh. Tục truyền xưa kia núi có vườn dừa của vợ chồng ông tiều mà bà Thiên Y A Na (tục gọi Bà Chúa Ngọc) giáng trần và hiển thánh. Từ đó núi có tên Qua Sơn, núi Chúa. Từ xưa, người dân dựng am thờ Bà gọi là Am Chúa.

u trầm bốc lên, tắm mình trong làn sương móc, giữa muôn ngàn cỏ cây, cảnh thiên nhiên trông rất là thần kỳ. Nên có lời rằng: Núi chẳng cứ là cao, có tiên ắt nổi danh. Lại có lời rằng: Cái thần biến hóa vô cùng, chớ dựa vào hình thể mà cật vấn về sự linh thiêng của núi Cù. Vậy thì sự tích bà Thánh Phi sinh ra do đó được tin chẳng? Sự tích của bà Thánh Phi thì Phan Lương Khê tiên sinh [8] đã thu thập nơi dân dã những chuyện ôm đura đùa giỡn, nhập vào khúc kỳ nam mà bi ký hiện tại vẫn còn. Xét xem cẩn thận thì lời lẽ chính đáng tinh vi, ý tứ sâu kín tinh diệu mà kèm theo một chút nghi ngờ, sờ dĩ như vậy nên tiên sinh chưa từng định luận. Chúng tôi lên núi bái Thánh, cùng nhau vui xem cảnh vật, đề thơ,..., tiếp thêm có đôi ý nông cạn, gọi là ít lời bày tỏ mỗi ngờ của kẻ sinh sau. Do vậy nên vụng về chấp bút ghi lại sự việc.[9]

⁸ Phan Lương Khê là hiệu của Phan Thanh Giản (1796-1867). Ngày 28-5 năm Bính thìn, Tỵ Đức thứ 9 (1856), Phan Thanh Giản đi việc quan, có qua Tháp Bà tại Nha Trang. Cảm kích trước quang cảnh, ông có làm một bài văn khắc trên bia để nhắc lại sự tích Bà Thiên Y A Na. Lúc đó Bộ chính Khánh Hòa là Nguyễn Quynh đứng ra phụng lập bia.
⁹ Xem: *Địa danh Khánh Hòa, xưa và nay*, Hội VNDG Việt Nam, Ngô Văn Ban, NXB. VHTT, 2010. Tr.473.

(Năm Tự Đức thứ Hai mươi bốn, ngày lành, tháng Năm, mùa hè. Thuận Khánh Tuần Vũ Nguyễn Oai, Khâm sai Hồng Lô tự Thiếu Khanh; Biện lý Công bộ Bùi Thái Bút; Bồi chính sứ Bình Thuận, Trần Điền; Hàn lâm viện thị Độc sỹ sung Điển Nông sứ Phan Trung; Án sát Bình Thuận Tôn Thất Soạn; Hàn lâm viện thị Độc sung Bình Thuận Doanh điển sứ Nguyễn Văn Phương; Công bộ Lang trung Nguyễn Duy Doãn; Biện lễ khoa Cấp sự trung Nguyễn Duy Chí. Đồng kính cẩn biên soạn.

Bản dịch của Phạm Phú Viêt, Tạp chí Nha Trang, số 80-5/2002).

PHỤ LỤC 2

Đôi điều về huyền thoại Thầy Thím và dinh Thầy Thím

Năm 1925, bác sỹ người Pháp Albert Sallet, người đã có nhiều công trình nghiên cứu có giá trị về lịch sử và văn hóa Trung Kỳ, đã công bố trên *Revue Extrême Asie* (Tạp chí Viễn Á), số 159, bài báo *Les sorcier et la sorcière* (Thầy và

Thím [¹⁰]), viết về hai nhân vật truyền thuyết của xứ Quảng là Thầy và Thím, những nhân vật gắn với một ngôi đền linh thiêng ở Bình Thuận - dinh Thầy Thím, cùng với những bùa phép thần thông đầy màu sắc huyền thoại nhưng lại được người dân địa phương tin là có thật. (...) huyền thoại ấy còn được Cristoforo Borri, một giáo sỹ người Ý đến Đàng Trong vào những năm 1618 - 1621, ghi nhận trong hồi ký của ông: *"Năm ấy, một nạn hạn hán dị thường làm nứt nẻ cả đất đai của vương quốc (Đàng Trong), do thiếu mưa mùa thu tới cần cho việc gieo lúa, bảo đảm nguồn sống cho con người,...Một ông sãi sống độc cư, nhân đó mà nổi đại danh thánh thiện. Ngày nọ, người này rời khỏi nơi ẩn cư, công khai khoe khoang rằng theo những lời cầu kinh của mình, sẽ khiến các thần làm mưa. Được tháp tùng bởi một đám đông, ông ta leo lên một đỉnh núi, và tại đó, ông ta bắt đầu kêu gọi các quý thần với các lời cầu khẩn, rồi dậm chân xuống đất ba lần. Một lát sau, bầu trời kéo mây rồi một trận mưa trút đầy mặt đất. Trận mưa không chỉ đủ cứu chữa cơn khô hạn mà còn để làm cho đủ tin vào*

¹⁰ Dẫn theo: *Quảng Nam và những vấn đề sử học*, Nguyễn Sinh Duy, NXB VHHT - Nhà sách Cáo Thơm, tr 256.

sứ giả của địa ngục, và cũng đồng thời đủ để báng bổ đức tin thiêng liêng của chúng ta,..." [11]. Ông sãi đó là một tu sỹ Phật giáo nhưng lại được cho là người có quyền lực siêu nhiên, có thể "gọi gió kêu mưa" khiến cho giáo sỹ Cristoforo Borri, một người không tin vào quỷ thần, phải lưu tâm ghi lại. Ông sãi đó cũng chính là người mà sau này đã trở thành Thầy và cùng với Thím, được nhân dân tôn thờ trong dinh Thầy Thím ở La Gi, Bình Thuận.

Vậy thì Thầy và Thím là ai ?

Trong một cuộc tình cờ, chúng tôi tiếp xúc với một tập tài liệu chép tay bằng chữ quốc ngữ trên một cuốn tập của học trò, dày khoảng 100 trang. Cuốn tập đã cũ, mực đã phai, nhưng phần lớn chữ viết trong đó vẫn còn đọc được, ngoại trừ một số ít chữ đã bị mờ. Trong bìa cuốn tập có đề tên Phạm Hữu Tri (?), hoặc Phạm Hữu Thi (?) do chữ *Tri/Thi* này đã bị mờ, rất khó đọc. Trang đầu cuốn tập có ghi dòng chữ: *Lời giới thiệu của Hội Tam Quý. Nói về dinh Thầy Thím, những ai đã từng sống tại Hàm Tân, hoặc có*

¹¹ *Relatione Al Regno Della Cocincina* (Roma 1631), Cristoforo Borri, Bonifacy dịch từ tiếng Ý sang tiếng Pháp và chú giải, in trong BAVH, N° 3-4 (Juillet - Décembre), 1931, tr. 342-344.

dip,... (bị mất một số chữ). Tiếp theo là một tập thơ, viết theo thể loại song thất lục bát, dài 600 câu. Chúng tôi không thể biết ai là tác giả tập thơ này, và đây là bản chính của tập thơ hay bản sao chép từ một bản khác. Cuối tập có ghi: ngày 30-5-1969, không rõ đó là thời điểm sáng tác hay sao chép tập thơ này.

Tuy nhiên những địa danh được nhắc đến trong tập thơ này là những địa phương xứ Quảng, như La Qua (nay thuộc thôn Trung Phú, xã Điện Minh, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam), hay làng Yên Nê (nay là thôn Yên Nê thuộc xã Hòa Tiến, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng). Sau khi đọc xong tập thơ này chúng tôi đã đến điền dã ở làng La Qua và làng Yên Nê, và được nhân dân truyền khẩu về hai nhân vật Thầy và Thím, gần giống với những gì được ghi chép trong cuốn tập nói trên. Từ nội dung được phản ánh trong 600 câu thơ trên với những truyền thuyết dân gian ở hai làng La Qua và Yên Nê, chúng tôi tạm "dựng" lại thân thế của Thầy và Thím như sau:

Thầy tên thật là Nguyễn Đức Lánh (Thầy Lánh) quê tại làng La Qua, sinh năm 1803, đời vua Gia Long (1802-1820). Lúc nhỏ, Thầy có

công đèn sách, khoa cử nhưng lỡ làng công danh. Sau khi chịu tang 3 năm của cha mẹ, thầy kết duyên với Thím, tên thật là Đỗ Nguyệt Liên, người làng Yên Nê. Hai người sống với nhau được 10 năm nhưng không có con. Sau đó, Thầy bỏ nghiệp đèn sách khoa cử, đổi sang tầm phương học đạo. Đạo ở đây là đạo Lão, pha trộn với Phật giáo Mật Tông. sách của Thầy học chính là cuốn *Vạn pháp quy tông*, là bộ sách tập hợp nhiều những phương pháp tu tập kỳ bí, cần phải luyện tập nhiều công phu và phải có một tinh thần đạo đức căn bản mới có thể tiếp thu các bí kíp trong sách này. Người học sách này phải nhằm mục đích cứu đời, hoàn toàn bất vụ lợi. Nếu có tư tưởng tham tàn, hoặc ích kỷ, hại nơn thì sẽ bị chuốt lấy hậu quả vô cùng tai hại, tức là bị tiêu diệt.

Dưới triều Tự Đức (1848-1883), quê hương xứ Quảng và làng La Qua của Thầy gặp nhiều tai ách, dịch bệnh, nên lâm vào cảnh nghèo khó, thiếu ăn. Thầy đã dùng các phép thuật đã học được để cứu dân, độ thế, trị bệnh, phát gạo, dạy dân làm điều lễ nghĩa. Dân làng La Qua thời đó luôn ước ao có một ngôi đình để thờ cúng "tiền nhân", nhưng vì đời sống người dân quá nghèo

nên mong ước đó không thực hiện được. Vì thế, Thầy hứa với dân làng sẽ giúp cho dân làng có được một ngôi đình như mong muốn, rồi dùng phép thuật di chuyển ngôi đình của làng Bát Nhị láng giềng sang làng La Qua. Vì sự kiện này, Thầy bị quan quân triều đình bắt giam và bị xử "tam ban" (được lựa chọn 1 trong 3 cách để chết: dùng dao tự sát, uống thuốc độc hoặc tự thắt cổ). Thầy chọn cách thọ án bằng việc thắt cổ. Trước khi chết Thầy xin được gặp vợ (Thím). Nhưng khi án đang thi hành thì Thầy và Thím cùng biến thành rồng, nương theo dải lụa đỏ bay về phương Nam và thoát nạn.

Về địa điểm thọ án, theo phản ánh trong tập thơ nói trên thì Thầy thọ án tại quê nhà La Qua, có vua vào ngục để chứng kiến. Nhưng theo lời truyền khẩu dân gian ở xứ Quảng thì Thầy và Thím bị xử án tại kinh đô Huế. Giả thuyết thứ hai có vẻ thuyết phục hơn vì trong tập thơ, cũng như theo truyền khẩu thì khi bay ngang làng Yên Nê, Thầy có thả xuống làng một chiếc giày có ghi tên Thầy và Thím để làm tin. Về mặt địa lý, từ kinh đô Huế bay về phương Nam mới ngang qua làng Yên Nê, chứ từ làng La Qua đi về phương Nam thì không thể ngang qua làng Yên Nê được.

Truyền thuyết cho biết thêm: rồng bay đến làng Tam Tân (nay thuộc xã Tân Tiến, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận), thấy phong cảnh đẹp đẽ, xinh tươi nên rồng giáng thế và trở lại hình hài cũ. Thầy và Thím chọn nơi đây làm quê hương thứ hai để lánh nạn. Sống tại quê hương mới, Thầy tiếp tục công việc cứu người, giúp đời, dạy dân đạo đức, làm lành lánh ác. Nhiều câu chuyện huyền bí về cuộc đời của Thầy và Thím nay vẫn được lưu truyền tại làng Tam Tân. Trong đó có chuyện khi Thầy đang tạm trú tại nhà của một phú hộ, gọi là cụ Hộ Hai, do sơ ý, cái bầu "hồ lô" phép thuật của Thầy làm cháy rụi ngôi nhà của phú hộ, nên Thầy phải dùng phép thuật để làm lại căn nhà mới cho cụ Hộ Hai.

Làm nhà cho cụ Hộ Hai xong, Thầy và Thím vào rừng sống ẩn dật trong một túp lều tranh do Thầy tự cất lên, để tránh vướng vấp với đời và tháng ngày làm bạn với muông thú. Thầy cảm hóa được cọp, beo, thú dữ. Các loài cầm thú trong rừng thường lui tới châu bái Thầy. Khi dân chúng gặp tai ương, hoạn nạn, thì Thầy thường xuất hiện kịp thời giúp đỡ. Với công ơn ấy, dân chúng làng Tam Tân rất kính mến và quý trọng Thầy. Danh xưng Thầy và Thím chính là do dân

chúng Tâm Tân xung hô mà nên. Danh tiếng của Thầy ngày càng vang dội, người khắp nơi đều biết, tìm đến để theo Thầy học đạo - đạo Thầy Thím. Đệ tử của Thầy thường tự nhận là học trò của *Môn phái Thầy Thím*. Thầy và Thím sống tại đây cho đến lúc qua đời (không rõ năm).

Khi nghe tin Thầy và Thím qua đời, dân chúng kéo nhau vào nơi ẩn dật của Thầy để lo hậu sự. Lạ thay, khi mọi người đến thì có voi đang châu chực bên Thầy và Thím, xung quanh có đủ các chim muông, cầm thú, thấy đều u sầu, buồn thảm. Điều ngạc nhiên nhất là không hiểu ai đã mang đến đây hai cỗ quan tài và đã tẩm liệm cả Thầy và Thím. Dân chúng đã chôn hai cỗ áo quan ở Bào Thông (?) (hay Bàu Thông? Bàn Thông?). Từ đó, dân chúng thường tụ hội về đây mỗi năm hai lần, lần đầu vào ngày 5 tháng Giêng âm lịch để tảo mộ và lần thứ hai vào ngày 15 tháng 9 âm lịch để cúng giỗ Thầy và Thím. Tiếng lành đồn xa nên đến năm 1906, vua Thành Thái (1889-1907) đã hủy bỏ bản án mà triều đình nhà Nguyễn đã tuyên phạt Thầy trước đây, đồng thời sắc phong cho Thầy là *Chí đức tiên sinh tôn thần* và cho Thím là *Chí đức nương nương tôn thần*.

Thương Thầy và Thím, dân làng Tam Tân lập dinh thờ hai người. Lúc đầu dinh cất sơ sài bằng lá, dần dần được sửa sang tu tạo, càng ngày trở nên nguy nga tráng lệ, với nhiều đồ trang hoàng quý giá do khách thập phương tiến cúng. Hiện nay, hàng năm vào ngày 15 - 16 tháng 9 âm lịch, thị xã La Gi bỗng trở nên tấp nập lạ thường, vì dân chúng mọi nơi kéo nhau tới hành hương dinh Thầy Thím. Dinh Thầy Thím là một ngôi đền nằm giữa một khu rừng, cách thị xã La Gi 12 km về hướng tây bắc. (...) Ban quản lý dinh là Hội Tam Quý, phụ trách việc thờ phụng Thầy và Thím. (...). Khách ở xa như: Quảng Trị, Thừa Thiên-Huế, miền Tây nam bộ, ở gần như: Ninh Thuận, Bình Thuận, Vũng Tàu, Long Khánh, thành phố Hồ Chí Minh hàng năm cũng về đây làm lễ cúng giỗ Thầy Thím rất lớn. Ngày giỗ Thầy đã trở thành ngày hội Dinh Thầy, một trong 3 lễ hội độc đáo của tỉnh Bình Thuận.(...).

Huyền thoại về Thầy và Thím còn lưu truyền mãi trong dân gian là ước vọng về giá trị của lẽ phải, đạo lý và sự công bằng. (...).[¹²]

¹² Xem Tạp chí: Phát triển kinh tế - xã hội Đà Nẵng, số 27/2012, tác giả Lê Văn Hảo, bài: *Đôi điều về huyền thoại Thầy Thím và dinh Thầy Thím*. Chúng tôi trích huyền thoại về Thầy Thím để bạn đọc tham khảo.

PHỤ LỤC 3

Dấu vết Chăm ở Hoàng thành Thăng Long

Khu di tích trung tâm Hoàng thành Thăng Long được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa thế giới hôm 1-8-2010. Nhân sự kiện này, thử trở lại với những cấu kiện kiến trúc bằng đá hay nghệ thuật trang trí mang phong cách Apsara... để hình dung về sự hiện diện của văn hóa Chăm.

Voi Chăm ở Thăng Long

Với vai trò là trung tâm chính trị, văn hóa của quốc gia Đại Việt, kinh thành Thăng Long là nơi còn để lại nhiều dấu ấn huy hoàng có liên quan đến voi. Và cũng từ con vật tinh khôn này đã lưu truyền nhiều câu chuyện thú vị về mối quan hệ giữa Đại Việt và Champa. Các triều đại như Ngô, Đinh, Tiền Lê, Lý, Trần, Hậu Lê... thường dùng voi trong sinh hoạt cung đình. Đến thời Nguyễn, voi được dùng trong chiến đấu nên tượng binh có số lượng nhiều hơn. Voi được

mang đến kinh thành Thăng Long từ nhiều nguồn khác nhau nhưng chủ yếu là vật triều cống cũng như nguồn chiến lợi phẩm thu được. Vương quốc Chămpa cũng từng nổi tiếng với việc dùng voi trong chiến trận, hoạt động bang giao, buôn bán và sinh hoạt cung đình. Sử cũ ghi lại nhiều sự kiện tiến cống của Chămpa cho Đại Việt. Công phẩm của Chămpa phần lớn là voi trắng. Thời nhà Lý, liên tục từ năm 1068 đến năm 1112, cứ đến mùa thu tháng 8 năm nào Chămpa cũng cử người đi sứ tiến cống voi trắng cho nước Đại Việt. Thời nhà Trần, vào mùa xuân các năm 1269, 1279, 1307, Chămpa cũng tiến cống voi trắng cho Đại Việt. Đặc biệt, sử cũ cũng ghi rằng vào mùa xuân năm 1352, vua Chămpa cử sứ giả tên là Ché Nỗ mang cống vật gồm voi trắng, ngựa trắng... dâng cho Đại Việt.



*Đầu chim uyên ương bằng đất nung trang trí trên cung điện
thời Lý – Trần.*



Vũ nữ Apsara trang trí trên bệ tháp thời Lý

Voi xuất hiện với màu sắc đầy tính huyền thoại trong các truyền thuyết ở đất Thăng Long. Chùa Phổ Giác ở phố Ngô Sĩ Liên được dân gian gọi chùa Tàu (tàu ngựa, tàu voi), bởi lẽ đây là nơi chăm sóc, nuôi dưỡng voi ở kinh thành Thăng Long. Sau những lần chinh phạt Chiêm Thành số lượng voi mang về Đại Việt cũng không nhỏ. Số lượng voi đông đúc vẫn được duy trì cho đến năm 1688 khi mà W.Dampier vẫn còn thấy “số lượng voi Thăng Long vào khoảng 150 đến 200 con, chúng được cho uống nước và tắm hàng ngày trên dòng sông (sông Hồng)”. Sách sử cho biết từng có một vị hoàng thân nhà Trần cưới voi tới khu vực người Chăm gần kinh thành chơi liền ba ngày. Ngôi chùa Tàu được dựng lên ngoài chức năng ban đầu là tàu voi còn là nơi thể hiện tâm linh của người Chăm. Trong tuyển tập văn bia Hà Nội có nhắc đến “miếu Dương Võ”, nơi thờ 3 người quản tượng giỏi chuyên dạy voi đực ở phương Nam (Champa).

Dấu tích Chăm ở Hoàng thành

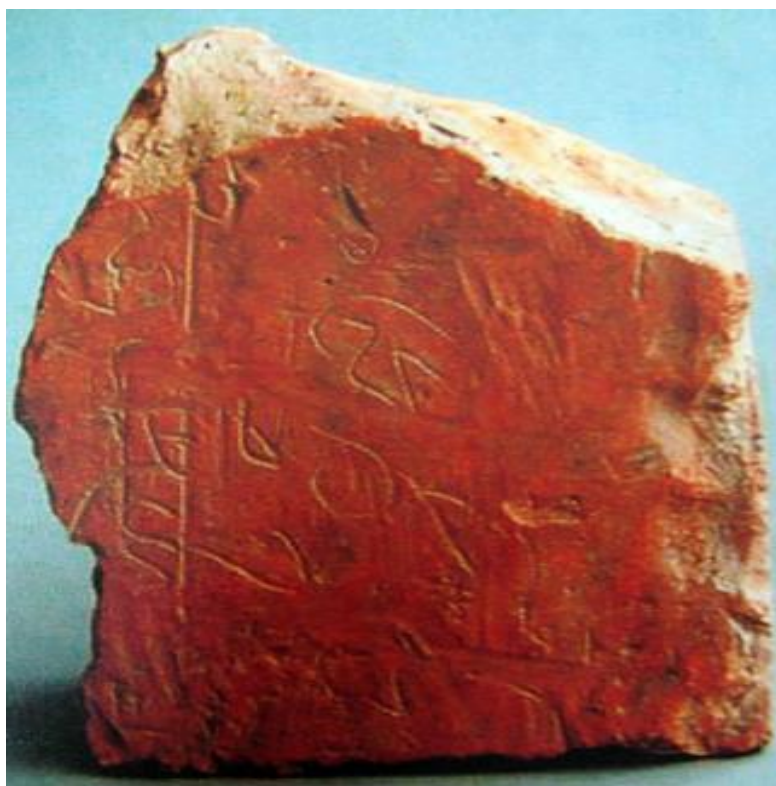
Khi khai quật di tích Hoàng thành Thăng Long, các nhà khảo cổ học đã phát hiện nhiều dấu tích Champa, khẳng định sự có mặt của

người thợ Chăm trên Hoàng thành Thăng Long là lịch sử đã chép. Từ những dấu vết kiến trúc ở hồ khai quật, các nhà khảo cổ đã phát hiện một phần ngôi tháp nhiều tầng bằng sứ thời Lý với nghệ thuật trang trí khá độc đáo gồm rồng, cánh sen và các phù điêu tiên nữ bay nhảy - phảng phất chút ít phong cách Apsara trong nghệ thuật Champa. Những phù điêu bằng sa thạch ở Trà Kiệu - Quảng Nam (thế kỷ X) có tư thế và động tác giống với các vũ nữ trên các ô hộc của mảnh tháp trắng thời Lý ở Hoàng thành Thăng Long. Có thể xem đây là một bằng chứng khảo cổ học về mối quan hệ gắn bó Việt - Chăm từ sau thế kỷ X.

Trên kinh thành Thăng Long người ta có thể nhận thấy rất nhiều cấu kiện kiến trúc bằng đá, chủ đạo là sa thạch. Đây là một loại đá rất gần gũi với người thợ Champa, loại đá không có thớ, dễ đục đẽo, tạo hình. Gần như toàn bộ các tầng kê cột của kiến trúc Hoàng thành đều bằng đá và được chạm hoa sen rất đẹp, nhất là những tầng kê cột thời Lý. Những bộ tượng tạo hình rồng, đặc biệt là những bậc lan can trang trí rồng, phượng, sóng nước, vân mây cực kỳ tinh xảo của thời Lý chắc chắn có sự can thiệp của người thợ

- nghệ sĩ Chămpa. Những nghệ sĩ Chăm mặc dầu thể hiện ý tưởng của người Việt nhưng trên từng nét chạm, nhát đục, vết mài xoa tạo nên những rồng, phượng... của Thăng Long vẫn mang đậm nét những Makara, Garuda, Nagar, Hamsa, Kala... mà họ từng tạo tác ở các đền tháp Chăm quê hương mình. Hình ảnh về chim uyên ương trên những viên ngói úp nóc (thời Lý) được thể hiện hao hao với ngỗng thần Hamsa (vật cưỡi của thần Brahma) trong điêu khắc Chăm. Hai chiếc cánh uyên ương xò rộng như trong tư thế múa, phần đầu cánh được xoắn lại tạo nên hình cánh cung giống với những đôi cánh của thần điêu Garuda. Viên gạch tháp có tượng thần điêu Garuda là bức tượng hiếm hoi bắt gặp được trong những hố khai quật ở khu vực Văn Lang, Ba Đình, hiện đang được trưng bày tại Bảo tàng Lịch sử Việt Nam với bố cục tạo hình mang đậm phong cách Chăm. Hai nửa viên gạch duy nhất có khắc ký tự Phạn (Sanskrit) được phát hiện ở Hoàng thành Thăng Long. Hai viên gạch này được xem là bằng chứng về sự góp mặt, tham gia xây dựng hay sản xuất vật liệu cho những công trình kiến trúc cung đình đương thời của người Chăm. Qua đó chứng tỏ người Chăm đã mang

đến kinh thành kỹ thuật làm ra những viên gạch đỏ tươi, tạo hình đẹp, cùng với màu đỏ của bộ mái rất Việt xây cất lên những kiến trúc lộng lẫy của đất Thăng Long. Trong hệ thống giếng nước mà các nhà khảo cổ học tìm thấy ở khu khai quật Hoàng thành Thăng Long, có một giếng nước mang niên đại vào thời nhà Trần thể hiện rõ phong cách và kỹ thuật Chăm, cụ thể như cách xếp gạch tựa như các giếng Chăm ở miền Trung.



Viên gạch có chữ Chăm cổ



Thần Siva tại Bảo tàng lịch sử Việt Nam

Qua các cuộc khai quật khảo cổ học, nhất là phát hiện di tích Hoàng thành Thăng Long đã khẳng định có những dấu vết văn hóa Chăm ở Thăng Long xưa và Hà Nội nay. Điều này đã phản ánh sống động mối quan hệ Việt - Chăm lâu dài trong lịch sử. Cùng với những hiện vật phát hiện từ các cuộc khai quật khảo cổ học và hiện vật được chuyển giao, kế thừa từ các bảo tàng và nhiều nguồn khác nhau, Bảo tàng Lịch sử Việt Nam đang trưng bày một bộ sưu tập hiện

vật điêu khắc Chăm khá độc đáo để du khách đến Hà Nội có thể chiêm ngưỡng những kiệt tác của dân tộc Chăm. [13]

PHỤ LỤC 4

Bánh gừng/ ginraong laya

Bánh gừng người Việt miền Trung và người Chăm đều có, đây là sự giao thoa nhau trong quá trình phát triển của ẩm thực dân gian miền Trung Việt Nam. Truyện người Việt miền Trung gọi là *Hòn vọng phu*, người Chăm gọi là *Nai caraw caoh bhaow* sau đây, liên quan đến chiếc bánh gừng, người Chăm gọi là bánh *ginraong laya*. Có vùng, người Chăm gọi là *bánh giận hòn*, người Việt xứ Quảng gọi là *bánh gừng*, cho chúng ta cái nhìn về sự giao thoa qua lại của một loại bánh:

Xưa kia tại ven biển Cà Ná ở Bình Thuận có một làng Chăm vừa sinh sống bằng nghề đi biển và nghề nông. Tại làng có một gia đình sinh

¹³ Xem: *Dấu vết Chăm ở hoàng thành Thăng Long*, Tấn Vịnh, Báo Quảng Nam.

được một trai và một gái. Họ đang là tuổi thiếu niên. Một hôm cha mẹ ra đồng làm ruộng, hai anh em ở nhà trông coi lúa thóc đang phơi tại sân. Bỗng thấy gà đến mổ lúa, người anh trai liền nắm hòn đá ném về phía bầy gà, bất ngờ, hòn đá trúng vào đầu em gái mình. Người em bị thương, máu chảy nhiều dẫn đến ngất xỉu. Thấy vậy, người anh hoảng loạn tìm đường chạy trốn. Người anh chạy ra đến bờ biển Cà Ná, gặp một chiếc ghe chẫu bị ra khơi đánh cá, người anh vội nhảy lên ghe trốn đi. Từ đó, người anh đi biệt xứ không về.

Tại quê người, khi đã lớn thành chàng trai, nỗi nhớ quê hương làng xóm, nhớ cha mẹ và đứa em day dứt trong lòng, chàng trai quyết định theo thuyền trở về quê cũ. Nhưng khi về đến nơi, cảnh vật khác xưa, dân làng đã lần lượt di cư vào chân núi sinh sống bằng nghề nông. Tại làng xưa chỉ còn vài ba ngôi nhà trụ lại với nghề đi biển, trong số các gia đình này có một gia đình chỉ một cô con gái xinh đẹp tuổi độ đôi mươi. Hỏi ra cha mẹ cô đã qua đời.

Chàng thanh niên sau những ngày trở về làng cũ, đã đem lòng yêu thương cô gái, rồi lấy cô làm vợ.

Một hôm, trong lúc rảnh rỗi, người chồng ngồi bắt chích (chấy) cho vợ, thấy trên đầu có một vết sẹo, được người vợ kể cho chồng nghe đầu đuôi câu chuyện về cái sẹo có trên đầu mình. Nghe xong, người chồng kinh ngạc và nhớ ra chuyện cũ cách đã lâu năm !. Buồn rầu và ân hận, không nói gì với vợ, hôm sau, sau nhiều lần suy nghĩ trong hồi tiếc, người chồng lặng lẽ quyết định ra đi, bèn đội nón men theo cùn cát đi về phía biển và lên một chiếc ghe của người quen ra khơi đi biệt. Từ đó người chồng không về nhà nữa.

Ở nhà, người vợ không biết chồng mình bỏ đi đâu không có một lời gởi lại. Ngày qua ngày, để vơi thương nhớ, nàng leo lên một ngọn đồi đứng nhìn về phía biển, trông chồng. Nhưng đã nhiều ngày qua mà vẫn không thấy chồng về. Đến một hôm, nàng nghĩ đến người chồng vô cớ bỏ đi như là người bội bạc tình nàng, từ đó nỗi giận tràn lên, nàng nắm gói bánh gừng mang theo ăn đỡ đói vút xuống biển. Rồi khóc!.

Nàng chết và hóa thành hòn đá, trông giống như người phụ nữ ngồi trông ra biển. Nàng chính là Nai krao chao phò hóa đá vọng phu. Từ đạo ấy, trong dân gian Chăm có thơ rằng:

*Như bà vọng phu trông chồng
Ngồi buồn ngó bắc, xem đông
Xem qua xem lại sao không thấy chàng
Tóc dài sao lại rũ ngang
Chân lằn, tay gõ, miệng than bóng đèn.*

THƯ MỤC

I. SÁCH

- *Tháp Bà Nha Trang*, TS. Nguyễn Công Bằng, NXB. KHXH, 2005.
- *Ô Châu cận lục*, Dương Văn An, Á Châu, SaiGon xuất bản, 1961.
- *Đền tháp Chămpa bí ẩn xây dựng*, Trần Bá Việt (chủ biên), NXB. Xây Dựng, 2007.
- *A. Cocies History of Southeast Asia*, Nicholas Traling, Washington, xuất bản lần thứ 2, 1967.
- *Les tours kiames de la Province de Binh Dinh (An Nam)*, par. Ch. Lemire, Saigon Imprimetrie Coloniale, 1890.
- *Les Chams d' autrefois et d'aujourd'hui (Người Chăm xưa và nay)*, Jeanne Leuba, Ha Noi Impriemerie d'extrême - Orient, 1916.
- *Les Tchames et leurs religions (Người Chăm và các tôn giáo)*, M. E. Aymonier, Paris ernest leroux, éditeur 28, rue Bonaparte, 1819.

- *Nguồn gốc Mã Lai của dân tộc Việt Nam*, Bình Nguyên Lộc, binhnguyenloc.com/NXB. Bách Bộc, Sài Gòn 1971.
- *Un royaume disparu les Chames et leur art avec une préface de M. Louis Finot (Người Chăm và nền nghệ thuật của họ)*, Jeanne Leuba, Paris et Bruxelles, Librairie Nationale d'art et d'histoire, G. Van Oest et C^{ie}, éditeurs, 1923.
- *Tìm hiểu nông cụ cổ truyền Việt Nam (Lịch sử và loại hình)*, Ngô Đức Thịnh, NXB. KHXH, 1996.
- *Tập ảnh Điêu khắc Chăm*, Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Đông Nam Á, NXB. KHXH, 1988.
- *Lịch sử văn minh thế giới*, Trương Ngọc Phú, Ban Sử Địa, Đại học Văn Khoa, Huế, ấn loát tại nhà in Liên Hoa, Huế 20-11-1974.
- *Nghệ thuật biểu diễn truyền thống Chăm*, Lê Ngọc Canh, Tô Đông Hải, NXB. VHDT, 1995.
- *Âm nhạc Chăm*, Hải Liên sưu tầm, Amur Nhân ký âm.
- *Vai trò âm nhạc trong lễ hội dân gian Chăm ở Ninh Thuận*, Hải Liên, NXB Âm Nhạc, Hn, 1999.
- *Nhạc cụ truyền thống trong sinh hoạt văn hoá, tinh thần của người Chăm Ninh Thuận*. Sử văn Ngọc, NXB. KHXH, Hn 2004.
- *Dân ca Chăm*, NXB. Âm Nhạc, Hn, 1961.
- *Dân ca Chăm*, NXB. Văn hoá, 1981.
- *Xứ trầm hương*, Quách Tấn, Lá Bối, Sài Gòn, 1969. Cũng xem *Xứ trầm hương*, Quách Tấn, Hội VHNT tỉnh Khánh Hoà, 2003.
- *Du khảo văn hoá Chăm*, Nguyễn Văn Kự – Ngô Văn Doanh, với sự cộng tác của Andrew Hardy, NXB. Thế Giới, 2005.

- *Thánh địa Mỹ Sơn*, Ngô Văn Doanh, NXB. Trẻ, 2010.
- *Tháp cổ Chămpa, sự thật và huyền thoại*, Viện nghiên cứu Đông Nam Á, Ngô Văn Doanh, NXB.VHHT, 1994.
- *Tháp Bà Thiên Y A Na, hành trình của một nữ thần*, Ngô Văn Doanh, NXB. Trẻ, 2009.
- *Văn hóa cổ Chămpa*, Ngô Văn Doanh, NXB. VHDT, 2000.
- *Lễ hội chuyển mùa của người Chăm*, PGS Ngô Văn Doanh, NXB. Trẻ, 2006.
- *Văn hoá Chăm*, Phan Xuân Biên, Phan An, Phan Văn Dớp và các cộng tác viên, NXB. KHXH, 1991.
- *Tập tục, lễ hội đất Quảng*, Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam NXB. Lao động, 2011.
- *Có 500 năm như thế*, Hồ Trung Tú, NXB. Thời Đại, 2011.
- *Miền Trung Việt Nam và văn hoá Chămpa (Một cái nhìn địa – Văn hoá)*, Trần Quốc Vượng, NXB Văn hoá dân tộc, Tạp chí Văn hoá nghệ thuật.
- *Văn hoá biển miền Trung và văn hoá biển Tây Nam bộ*, Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam, Sở VH,TT&DL tỉnh Quảng Ngãi, Hội VHNT tỉnh Kiên Giang, NXB. Tự điển bách khoa, 2008.
- *Hải ngoại ký sự*, Thích Đại Sán, Nguyễn Phương (dịch), Viện Đại học Huế, 1963.
- *Tiếng Việt trên các miền đất nước*, Hoàng Thị Châu, NXB. Khoa học xã hội, 1989.
- *Đà Sơn, Đà Ly nhị xã Phan tộc phổ chí*, Võ Văn Thắng, Văn hóa dân gian Quảng Nam, Đà Nẵng (Tác giả tác phẩm), xem bản gia phổ , NXB. Đà Nẵng, 2009.
- *Tiếng Huế đặc thù*, Bùi Minh Đức, 1995

- *Từ điển tiếng Huế*, 2004.
- *Từ điển Chăm – Việt – Pháp* (Dictionnaire Chăm – Vietnamien – Français), Gerard Moussay, Trung tâm văn hoá Chăm (Centre culturel Chăm), Phan Rang, 1971.
- *Địa danh Khánh Hoà xưa và nay, lược khảo và tra cứu một số địa danh*, Hội VNDG Việt Nam, Ngô Văn Ban, NXB. VHTT, 2010.
- *Diệu Âm*, nhiều tác giả, NXB. Đà Nẵng, 2011.
- *Tự tình dân tộc*, Võ Thu Tịnh, Xuân Thu xuất bản lần thứ nhất tại Hoa Kỳ 1999.
- *Lưới đăng, nghề biển truyền thống ở Khánh Hoà*, Nguyễn Việt Trung, Hội VHNT Khánh Hoà, 2007.
- *Văn hoá người Chăm H'roi tỉnh Phú Yên*, Hội VNDG Việt Nam, Lê Thế Vịnh, NXB. Dân Trí, 2010.
- *Điêu khắc Chăm và thần thoại Ấn Độ*, Huỳnh Thị Được, NXB. Đà Nẵng, 2009.
- *Văn học Chăm, khái luận*, Inrasara, NXB. Tri Thức, 2011.
- *Văn hoá – xã hội Chăm nghiên cứu và đối thoại*, Hội VNDG Việt Nam, Inrasara, NXB. Khoa học xã hội, 2011.
- *Văn hóa dân gian Hòa Vang*, Võ Văn Hòe, NXB. Đà Nẵng, 2008.
- *Tập tục, xứ Quảng theo một vòng đời*, Hội VNDG Việt Nam, Võ Văn Hòe, NXB. Đại học quốc gia. Hà Nội, 2010.
- *Địa danh thành phố Đà Nẵng*, Võ Văn Hòe, NXB. Đà Nẵng, 2011.
- *Âm nhạc trong nghi lễ của người Chăm Bà La Môn*, Văn Thu Bích, NXB. Văn hoá dân tộc, 2008.

- *Nghi lễ vòng đời của người Chăm Ahiêr ở Ninh Thuận*, Hội VNDG Việt Nam, Phan Quốc Anh, NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 2010.
- *Ghe bầu trong đời sống văn hoá ở Hội An – Quảng Nam*, Hội VNDG Việt Nam, Trần Văn An, NXB. Dân Trí, 2011.
- *Bảo tồn và phát huy di sản văn hoá Chăm-pa*, PGS.TS. Nguyễn Hồng Sơn, NXB. Đà Nẵng, 2008.
- *Văn hoá ẩm thực dân gian Chăm Bình Thuận*, Hội VNDG Việt Nam, Bồ Xuân Hồ, NXB. KHXH, 2011.
- *Vương quốc Chăm-pa (Le Royaume du Champa)*, M.G.Maspéro, NXB. G.Van-Oest, 1928, người dịch Lê Tư Lành.
- *Việt Nam văn học sử yếu*, Dương Quảng Hàm, Bộ Giáo Dục, Trung tâm học liệu xuất bản, (in lần thứ 10), SàiGon, 1958.
- *Lịch sử đại cương vùng Đông Nam Á (từ khởi nguyên cho tới thế kỷ thứ XIX)*, Lê Đình Cai, Ban Sử học, Đại học Văn khoa Huế, 1974.
- *Lịch sử các quốc gia Đông Nam Á trừ Việt Nam, (từ nguyên sơ đến thế kỷ thứ XVI)*, Nguyễn Thế Anh, Lửa Thiêng xuất bản. GS. 1972.
- *Lịch sử xứ Đàng Trong*, Phan Khoang
- *Quảng Nam qua các thời đại (tập 1)*, Phan Du, Cổ học Tùng thư, 1974.
- *Việt Nam giáo sử*, Phan Phát Huồn
- *La Statuaire du Champa*. J. Boisselier, Paris, Pup. de l'E.F.E.O, 1963. Dẫn theo Nguyễn Thế Anh, trong *Lịch sử các quốc gia Đông Nam Á*. Lửa Thiêng, SG. 1972.

- *Xứ Đàng Trong – lịch sử kinh tế xã hội Việt Nam thế kỷ thứ XVII và XVIII*, Li Ta Na, NXB. Trẻ, TP. HCM, 1999.
- *Nhận thức về miền Trung Việt Nam, hành trình 10 năm tiếp cận*, Phân viện văn hóa nghệ thuật Việt Nam tại Huế, NXB. Thuận Hóa, 2009.
- *Người Chăm ở Sài Gòn, thành phố Hồ Chí Minh*, Phan Văn Dóp, Vương Hoàng Trà, NXB. Văn hóa-văn nghệ, 2011.
- *Văn nghệ dân gian Khánh Hòa* (tuyển tập 2005 – 2010), nhiều tác giả, Hội VHNT tỉnh Khánh Hòa, 2010.
- *Mỹ Sơn trong lịch sử nghệ thuật Chăm*, Trần Kỳ Phương, NXB. Đà Nẵng, 1988.
- *Yếu tố thần kỳ trong truyền thuyết và truyện cổ tích người Việt ở Nam Trung bộ*, Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam, Nguyễn Đình, NXB. KHXH, 2010.
- *Truyện kể dân gian các dân tộc người Nam Đảo*, Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam, Phan Xuân Viện, NXB. ĐHQG, 2010.
- *Từ điển Việt Chăm*, Inrasara – Phan Xuân Thành, NXB. Giáo Dục, 2004.
- *Ca dao, tục ngữ, thành ngữ, câu đố*, Inrasara, NXB. Văn hóa Dân tộc, 2006.
- *Ngữ pháp tiếng Chăm*, Trung tâm nghiên cứu Việt Nam – Đông Nam Á, Bùi Khánh Thế, NXB. Giáo Dục, 1996.
- *Đời sống văn hóa – xã hội người Chăm Việt Nam*, Nguyễn Văn Tỷ, NXB. Lao Động, 2010.
- *Les Tours Kiames de la Province de Binh-Dinh (Annam)*, Par Ch. Lemire, SaiGon imprimerie Coloniale, 1890.

- *Les Chams d'autrefois et d'aujourd'hui*, Jeanne Leuba, HaNoi, imprimerie d'extrême-Orient, 1916.
- *Đạo giáo và các tôn giáo Trung Quốc*, Henri Maspero, Lê Diên dịch. Nxb KHXH Hà Nội, 2000.
- *Sông Côn mùa lũ* (Tập 1 và 2), Nguyễn Mộng Giác, NXB Văn Học, Trung Tâm nghiên cứu Quốc học, 2003.
- *Văn hóa Chăm, nghiên cứu và phê bình*, Sakaya, NXB Phụ Nữ, 2010.
- *Sử Việt đọc vài quyển*, Tạ Chí Đại Trường, 2006.
- *Tìm hiểu nông cụ cổ truyền Việt Nam* (Lịch sử và loại hình), Ngô Đức Thịnh, NXB.KHXH, 1996.
- *Đại Việt sử lược* (thế kỷ thứ 14, 1377 - 1388), khuyết danh, dịch giả Nguyễn Gia Tường (1972), NXB Tp. Hồ Chí Minh, bộ môn Châu Á học, Đại học Tổng hợp TP. HCM, 1993.
- *Tục ngữ, thành ngữ, câu đố Chăm*, Inrasara, NXB Văn hóa dân tộc, 1995.
- *Tục ngữ, câu đố Chăm*, Lưu Văn Đảo, NXB VHDT, 1995.
- *Ariya Cam trường ca Chăm*, Inrasara, NXB. Thời đại, 2011.
- *Văn hóa xã hội Bình Định*, Hội VNDG Việt Nam, Đinh Bá Hòa, NXB. VHTT, 2012.
- *Luật tục trong xã hội Chăm*, Hội VNDG Việt Nam, Sử Văn Ngọc – Sử Thị Gia Trang, NXB, Thanh Niên, 2012.
- *Nghi lễ cuộc đời của người Chăm*, Hội VNDG Việt Nam, Sử Văn Ngọc, NXB, VHDT, 2012.
- *Nhóm lễ hội Rija của người Chăm tỉnh Ninh Thuận*, NXB. VHDT, 2012.

- *Âm nhạc Chăm những giá trị đặc trưng*, Văn Thu Bích, NXB. VH TT, 2012.
- *Văn hóa người Chăm H'roi ở huyện Vân Canh tỉnh Bình Định*, Hội VNDG Việt Nam, Nguyễn Xuân Nhân, Đoàn Văn Téo, NXB. VHDT, 2011.
- *Văn hóa làng truyền thống người Chăm tỉnh Ninh Thuận*, Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam, Sử Văn Ngọc, NXB Dân Trí, 2010.
- *Không gian văn hóa nhà cổ Hội An*, Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam, Trần Ánh, NXB. Dân Trí, 2010.
- *Tự học tiếng Chăm*, Inrasara, NXB. VHDT, 2003.
- *Những dấu vết văn hóa Ấn Độ tại Việt Nam*, Thích Trí Minh, dịch, Trung tâm nghiên cứu Quốc học Geetesh Sharma, NXB. Văn hóa văn nghệ TP. Hồ Chí Minh, 2012.
- *Từ điển Chăm – Việt*, Trường Đại học Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, Trung tâm nghiên cứu Việt Nam – Đông Nam Á, NXB. KHXH. 1995.
- *Việt Nam văn học toàn thư (thần thoại, cổ tích)*, Hoàng Trọng Miên, NXB, Tiếng Phương Đông.
- *Truyện cổ dân gian Chăm*, Trung tâm nghiên cứu văn hóa Chăm Ninh Thuận, NXB. VHDT, 2000.
- *Lịch sử Việt Nam trong tục ngữ, ca dao*, Hội VNDG Việt Nam, Nguyễn Nghĩa Dân, NXB. ĐHQG Hà Nội, 2010.
- *Đặc khảo văn học dân gian Thừa Thiên – Huế*, Hội VNDG Việt Nam, Lê Văn Chương, NXB. VH TT, 2012.
- *Tổng tập văn học dân gian xứ Huế (tập 6, đồng dao, câu đố)*, Hội VNDG Việt Nam, Triều Nguyên, NXB. ĐHQG Hà Nội, 2010.

- *Kho tàng ca dao người Việt* (4 tập), Nguyễn Xuân Kính, Phan Đăng Nhật, Phan Đăng Tài, Nguyễn Thúy Loan, Đặng Diệu Trang, 1995.
- *Một nhận thức về văn học dân gian Việt Nam*, Hội văn nghệ dân gian Việt Nam, Nguyễn Xuân Kính, NXB. Đại học quốc gia Hà Nội, 2012.
- *Ca dao – dân ca – vè – câu đố huyện Ninh Hòa*, Khánh Hòa, Hội VNDG Việt Nam, Trần Việt Kính chủ biên, NXB. VHDT, 2011.
- *Thi pháp ca dao*, Nguyễn Xuân Kính, NXB. KHXH, 1992.
- *Thi ca bình dân* (2 tập), Nguyễn Tấn Long, Phan Canh, NXB. Sống Mới, 1971.
- *Câu đố người Việt*, Hội VNDG Việt Nam, Triều Nguyên, NXB. Lao Động, 2011.
- *Đông dao người Việt*, Hội VNDG Việt Nam, Triều Nguyên, NXB. Lao Động, 2011.
- *Cổ sử các quốc gia Ấn Độ hóa ở Viễn Đông*, G.E.Coedes, Nguyễn Thừa Hỷ (dịch), NXB. Thế Giới, 2011.
- *Tập du ký mới và kỳ thú về vương quốc Đàng Ngoài*, Jean – Baptiste Tavernier, NXB. Thế Giới, 2011.
- *Một chuyến du hành đến xứ Nam Hà 1792 – 1793*, J.Barrow, Nguyễn Thừa Hỷ (dịch), NXB. Thế Giới, 2011.
- *Những người Châu Âu ở nước An Nam*, C.B. Maybon, Nguyễn Thừa Hỷ (dịch), NXB. Thế giới, 2011.
- *Một tài liệu về cuộc di dân Nam tiến của tiên nhân*, Lâm Hoài Nam, SaiGon, 3/1/1959.

- *Đông Dương ngày ấy 1898 – 1908*, Claude Bourrin, Lưu Đình Tuân (dịch), NXB. Lao Động, Trung tâm Văn hóa ngôn ngữ Đông Tây, 2009.
- *Bước đầu tìm hiểu thang âm, điệu thức dân ca Chăm cực nam Trung bộ*. (Sưu tầm), Nguyễn Văn Hoa ký âm, Tiểu luận của PGS. TS. Thế Bảo, NXB. Thanh Niên, 2011.
- *Người bạn đường du lịch văn hóa Hội An*. Phạm Hoàng Hải. Nxb Thế Giới Hà Nội, 2001.
- *Tinh hoa tri thức văn hóa Trung Quốc*. Vương Kiến Huy, Dịch Học Kim (chủ biên). Nxb Thế Giới, 2004.

II. TẠP CHÍ

- *Văn hoá Du lịch Đà Nẵng*, Sở VH,TT&DL TP. Đà Nẵng (nhiều số).
- *Phát triển kinh tế – xã hội Đà Nẵng*, Viện nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Đà Nẵng (nhiều số).
- *Về các hình thức sinh hoạt của đồng bào Chăm*, Thụy Loan, Tạp chí Văn hoá nghệ thuật, 2001.
- *Cẩm Thành*, Sở VH,TT&DL tỉnh Quảng Ngãi. Số 56.
- *Huyền thoại về sự ra đời nước Phù Nam, Chiêm Thành và Campuchia*, Đinh Gia Khánh, Tạp chí Văn hoá dân gian, 1991.
- *Có một văn hoá ghe bầu ven biển miền Trung*, Tạp chí Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi.
- *Giao lưu văn hoá Việt Chăm ở Quảng Nam – Đà Nẵng*, Võ Văn Thắng, Tạp chí Đất Quảng, số 4.1998.

- *Hệ thống chủ lễ của người Chăm Bà La Môn ở Ninh Thuận*, TS. Phan Quốc Anh, Tạp chí nghiên cứu Đông Nam Á, số 3 (66)/2004.
- *Lễ nhập Kut (Đănk Batalang tamur Kut) của người Chăm Bà La Môn*, TS. Phan Quốc Anh, Tạp chí Văn hoá dân gian số 4/2004.
- *Động Phong Nha và những dấu tích chùa Hang của Phật giáo Chămpa*, T.S. Ngô Văn Doanh, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, Tạp chí nghiên cứu Tôn giáo, Số 1 (25)/2004.
- *Chân Lạp phong thổ ký*, Châu Đạt Quan (Thế kỷ thứ 13), dịch giả: Lê Hương.
- *Kinh tế văn hóa dân tộc Chăm*, Kỷ yếu nhiều tác giả, 1992, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Viện đào tạo mở rộng, tại thành phố Hồ Chí Minh, tháng 12 năm 1992.
- *Tri Tân*, Tạp chí văn hóa ra hàng tuần, số 75/1942.
- *Tri Tân*, Tạp chí văn hóa ra hàng tuần, số 92/1943.
- *Tri Tân*, Tạp chí văn hóa ra hàng tuần, số 93/1943.
- *Tri Tân*, Tạp chí văn hóa ra hàng tuần, số 94/1943.
- *Tri Tân*, Xuân Ất Dậu, 1943.
- *Tài liệu dạy tiếng Chăm cho cán bộ công chức*, Sở Nội vụ, Sở GD & ĐT Ninh Thuận, 7/2007.
- *Nghiên cứu và phát triển*, số chuyên đề “*Nam Hà Tiệp Lục*”, Nguyên tác: Lê Đản, dịch và khảo chú: Trần Đại Vinh, số 3-4 (92-93)-2012.
- *Hội An nơi hội tụ các yếu tố nghệ thuật*. Chu Quang Trứ. T/c VHNT số 8 (170), 1998, tr.49-51.

III. CHUYÊN ĐỀ, BÀI VIẾT

- *Văn hoá Chăm và định vị dân tộc trong tổng thể văn minh Việt Nam*, TS. Nguyễn Đức Toàn, Trường ĐHKHXH&NV TP. HCM.
- *Một số nghề thủ công cổ truyền của người Chăm Thuận Hải*, Võ Công Nguyên.
- *Xứ Chăm và văn hoá Chăm –Việt*, Trần Thục Hiền.
- *Mảnh hồn Chăm*, Lê Viết Thọ, Tạp chí Sông Hương.
- *Những họa tiết hoa văn trong điêu khắc Chăm*, Hồ Tấn Tuấn, Tạp chí Non Nước, số 138 (10.2008).
- *Từ ngữ gốc Chăm trong tiếng Việt*, TS. Lý Tùng Hiếu, PGS.TS. Lê Trung Hoa, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn TP. HCM.
- *Văn hoá biển miền Trung trong mối quan hệ với văn hoá biển Đông Nam Á*, GS.TS. Mai Ngọc Chừ, Khoa Đông Phương học, Đại học KHXH&NV. Hà Nội, GV thỉnh giảng Khoa văn hoá học ĐHKHXH&NV TP. HCM.
- *Văn hoá dân gian Chăm – Những viên ngọc lấp lánh*, TS. Phan Quốc Anh, Trường ĐHKHXH&NV. TP. HCM.
- *Giao thoa văn hoá Việt – Chăm, nhìn từ một số di tích ở Bình Định*, baobinhdin, trên <http://mientrung.com>.
- *Khảo sát đặc điểm truyện cổ dân tộc Chăm*, tài liệu vi tính, không ghi tác giả, trường ĐHSP thành phố Hồ Chí Minh.
- *Làng gốm Thanh Hà trong hoạt động du lịch ở Hội An*, Phạm Thị Tú Trinh, Khóa luận tốt nghiệp Đại học ngành cử nhân văn hóa học. Đại học Đà Nẵng, trường Đại học sư phạm, 2010.

- Võ Thanh Bằng. *Tín ngưỡng dân gian của người Hoa ở Nam bộ*. Luận án Tiến sĩ Lịch sử (chuyên ngành Dân tộc học). Thành phố Hồ Chí Minh 2005.
- *Văn hoá Việt – Chăm và ý thức hoà hợp*, Vân Trình, Báo Quảng Nam.
- *Ca dao Nam bộ - ca dao của vùng đất mới*, Trần Văn Nam. Nguồn: Tập san Khoa học xã hội, số 5, 1998. <http://www.thuvien-ebook.com>
- *Chế độ mẫu hệ Chăm*, Irasara. Nguồn: website damau.org. [thuvien-ebook.com](http://www.thuvien-ebook.com)
- *Tập Nghiên cứu Văn hoá dân gian Thừa Thiên - Huế*, Hội Văn nghệ dân gian Thừa Thiên – Huế, 2008.
- <http://vanhoadangian.com>
- *Chuyện sử Chăm trong toàn thư*, Tạ Chí Đại Trường, trong tachidaitruong.blogspot.com
- *Chuyện người Việt làm vua Chiêm Thành*, Minh Vũ Hồ Văn Châm.
- *Hình tượng con voi trong điêu khắc Chăm*, Hồ Thuỳ Trang, <http://baobinhdinhh.com.vn>
- *Văn tự học chữ Chăm* (chữ Nôm, chữ Thái, chữ Chăm), Trung tâm Công nghệ thông tin Thừa Thiên – Huế, 12/2010.
- *Giá trị văn hoá của các tháp Chăm Bình Định*, TS. Lê Đình Phụng, <http://baobinhdinhh.com.vn>
- *Về biểu tượng hoa sen trong điêu khắc Chăm*, Hồ Thuỳ Trang, <http://baobinhdinhh.com.vn>
- *Bước tiến trong nghiên cứu văn minh Chăm – văn học Chăm*, Nguyễn Đức Hiệp (Sydney, Australia), <http://vanhoahoc.com>

- *Lễ đờ đờ và hội mừng năm mới của người Chăm H'roi*, Nguyễn Văn Ngọc, <http://vanchuongviet.org>
- *Chất thiêng trong âm nhạc Chăm*, Thông Thanh Khánh, <http://giaidieuxanh.com.vn>
- *Lâm Ấp, Chăm và di sản*, TS. Nguyễn Đức Hiệp (Australia), <http://vanhoahoc.com>
- *Vài nét về văn hoá Chăm*, TS. Nguyễn Thị Hậu, <http://vanchuongviet.org>
- . *Bảo tồn văn hoá Chăm đã đi đến đâu*, Inrasara, <http://vannghecongcuulong.org>
- *Bước đầu xác định danh hiệu các tiểu Vương quốc (?) thuộc miền Bắc Vương quốc cổ Chiêm Thành [Chăm]* tại miền Trung Việt Nam khoảng giữa thế kỷ 11 và 15, Trần Kỳ Phương, <http://vanhoahoc.com>.
- *Một dấu tích giao thoa văn hoá*, Văn Ngọc, <http://vietsciences.free.fr>
- *Nốt nhạc Thiên hoà hiếu trong quan hệ Đại Việt và Chăm pa thời Trần Nhân Tông*, GS.TS. Phạm Đức Dương, <http://www.daosuduytue>
- *Thánh đô Mỹ Sơn: trung tâm nghệ thuật của Vương quốc cổ Chăm*, Trần Kỳ Phương, <http://tieulun.hopto.org>
- *Vũ điệu cung đình Chăm trên tác phẩm điêu khắc*, Hồ Thuý Trang, <http://binhdinhbao.net>
- *Tìm hiểu hình tượng thần Shiva trong nghệ thuật điêu khắc đá Chăm*, Phan Anh Tú (ĐHQG TP. HCM), Nguyễn Hoàng Mai (BTL SVN).
- *Về một số tượng thần Bà La Môn giáo trưng bày tại bảo tàng lịch sử Việt Nam – TP. Hồ Chí Minh*, Phan Anh Tú.
- *Lỗ Lường - lễ tục độc đáo ở Hòn Đờ*, Nguyễn Man Nhiên - Hạnh Nguyễn, ninhhoatoday.net

- *Địa danh gốc Chăm ở Khánh Hòa*, Nguyễn Man Nhiên, ninhhoatoday.net
- *Câu đố dân gian Khánh Hòa*, Đỗ Độ, ninhhoatoday.net
- *Múa lục cúng hoa đăng Ninh Hòa*, Võ Triều Dương và Nguyễn Man Nhiên, ninhhoatoday.net
- *Một số đặc trưng kiến trúc nghệ thuật ở di tích tháp Bà Nha Trang*, TS. Nguyễn Công Bằng, ninhhoatoday.net
- *Gốm đất nung Bà Trúc trong tín ngưỡng Chăm*, Đức Nam, ninhhoatoday.net
- *Ca dao Khánh Hòa*, Lê Khánh Mai, ninhhoatoday.net
- *Nông cụ, vật dụng và cách sử dụng trong nghề nông cổ truyền tại tỉnh Khánh Hòa xưa*, Ngô Văn ban, Võ Triều Dương, ninhhoatoday.net
- *Văn hóa mẫu hệ Chăm*, Nguyễn Thị Diễm Phương, Luận văn Thạc sỹ, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, Trường ĐH. KHXH & NV Khoa Văn hóa học, TP. HCM, 2009.
- *Núi xanh nay vẫn đó*, Nguyễn Duy Chính, Tháng 10/2005.
- *Dấu ấn văn hóa Chăm trên đất Quảng Bình*, Trần Hoàng, Saigonact.edu.vn
- *Về bộ sưu tập đài thờ tại Bảo tàng điêu khắc Chăm Đà Nẵng*, Võ Văn Thắng, Tạp chí Văn hóa du lịch Đà Nẵng, số 17 (8/2012).
- *Tìm hiểu nhạc cụ cổ điển Chăm qua các tác phẩm điêu khắc*, Phan Thị Thu Bình, Tạp chí Văn hóa du lịch Đà Nẵng, số 17 (8/2012).
- *Thời gian nông nhàn trong sáng tạo và khôi phục nữ phục truyền thống các dân tộc Việt Nam*, TS. Cung

Dương Hằng, Tạp chí Văn hóa du lịch Đà Nẵng, số 17 (8/2012).

- *Tri thức dân gian cư dân ven biển Nam Trung bộ*, TS. Nguyễn Xuân Hương, Tạp chí Văn hóa du lịch Đà Nẵng, số 17 (8/2012).

- Hội thảo khoa học quốc tế “*Văn minh Chăm, mối liên hệ giữa Việt Nam và Ấn Độ*”, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam, Đà Nẵng, ngày 26-27 tháng 6 năm 2012.

- Tọa đàm “*Những trăn trở về nghề tơ lụa truyền thống Quảng Nam*”, Trung tâm quản lý bảo tồn Di sản văn hóa Hội An, Hội An, 07 tháng 07 năm 2012.

IV. ĐIỀN ĐÃ

1. Các cụ lão nông tri điền

Ông Ích Liên, Ông Ích Trung, Ông Văn Phi (Hòa Thọ Đông, quận Cẩm Lệ), Ông Thị Xuyên (Hòa Phát, quận Cẩm Lệ), Phan Hồng Nguyên (Đà Sơn, quận Liên Chiểu), Ngô Văn Nghĩa (Phong Nam, huyện Hòa Vang).

2. Các nhà nghiên cứu văn hoá

Trần Hoàng, Phan Anh Dũng (Thừa Thiên - Huế), Võ Văn Thắng, Hồ Trung Tú (Đà Nẵng), Ngô Văn Ban, Tứ Hải (Nha Trang), Thế Bảo (TP. Hồ Chí Minh), Inrasara (Tp. Hồ Chí Minh), Võ Khoa Châu (Khánh Hòa), Nguyễn Thị Thu, Phạm Văn Thành, Thập Liên Trường, Bá Minh Truyền, (Trung tâm nghiên cứu văn hóa Chăm, Ninh Thuận), Quảng Đại Đem (Đoàn ca múa dân gian Chăm,

Ninh Thuận), Mai Quốc Thành (Trung Tâm văn hóa tỉnh Ninh Thuận).

3. Các nhân chứng

Huỳnh Thị Mười (Trung tâm nghiên cứu văn hóa Chăm, Ninh Thuận), Hán Thị Tép (làng Hữu Đức, Ninh Thuận), Nguyễn Ngọc Triệu (làng Bà Trúc, Ninh Thuận).

4. Các nghệ nhân

Thiên Sanh Thêm (Hữu Đức, Ninh Thuận), Đàng Thị Gia (Bà Trúc, Ninh Thuận), Đàng Thị Trình (Bà Trúc, Ninh Thuận), Nguyễn Thị Sen (thành phố Phan Rang – Tháp Chàm).
